TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2019
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Huy Hùng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thương** và ông **Thái Quang Định**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Kiều Oanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: tổ 12 (nay là tổ 15B), khu Lạc Thanh, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: anh **Đỗ Ngọc A,** sinh năm: 1978; Địa chỉ: tổ 12 (nay là tổ 15B), khu Lạc Thanh, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Ngọc A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ 12 (nay là tổ 15B), khu Lạc Thanh, phường Y, thành phố U. Quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân là do anh A thường xuyên uống rượu say, không chịu làm ăn gì, bản thân chị H và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng

anh A vẫn không thay đổi, mặt khác tính cách vợ chồng không hợp nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, đến năm 2010 cả hai đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: trong thời gian chung sống cả hai có 02 con chung là Đỗ Ngọc T, sinh ngày 24/11/2003 và Đỗ Ngọc L, sinh ngày 01/01/2007, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Ngọc L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đỗ Ngọc T cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Đỗ Ngọc A đã có lời khai thể hiện quan điểm:*

Về quan hệ hôn nhân: anh thừa nhận quá trình kết hôn như chị H đã trình bày là đúng sự thật, trong thời gian vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, chửi bới nhau. Đến khoảng năm 2010 chị H tự ý bỏ nhà đi, cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu, cả hai không còn quan tâm đến nhau, nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh A đồng ý.

Về con chung: Nếu ly hôn anh A đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Ngọc T, sinh ngày 24/11/2003 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng vào phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Ngọc A kết hôn hợp pháp, trên cơ sơ tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, do tính cách không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung.

Tại biên bản xác minh ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U (có xác nhận của UBND phường Y):

Bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ anh Đỗ Ngọc A) cho biết: vợ chồng anh A, chị H sau khi kết hôn thì về sống tại gia đình bà ở tổ 12 (nay là tổ 15B), khu Lạc Thanh, phường Y, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành, cả hai đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay.

Ông Vũ Văn D là Khu trưởng khu Lạc Thanh, phường Y xác nhận lời khai của bà N về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh A, chị H là hoàn toàn đúng sự thật. Nay chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Đỗ Ngọc A, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về nội dung việc chị H xin ly hôn anh và nhiều lần mở phiên hòa giải để các đương sự có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh A đều vắng mặt. Điều này thể hiện anh A đã không còn quan tâm gì đến gia đình, vợ con nữa, nên mới cố ý không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân có được là do xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc; Tuy nhiên do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, anh A thường xuyên uống rượu say, không chịu làm ăn, quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu, khả năng

đoàn tụ không còn, HĐXX chấp nhận cho chị H được ly hôn anh A là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị H và anh A có với nhau 02 con chung là Đỗ Ngọc T, sinh ngày 24/11/2003 và Đỗ Ngọc L, sinh ngày 01/01/2007. Nay ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc L, sinh ngày 01/01/2007, anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc T, sinh ngày 24/11/2003, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu của các đương sự là chính đáng, hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp thuận.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Ngọc A.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc L, sinh ngày 01/01/2007 kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Giao cho anh Đỗ Ngọc A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Đỗ Ngọc T, sinh ngày 24/11/2003 kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp, một trong hai người lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000677 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Chị Hđã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. U;
- Chi cục THADS TP. U;
- UBND phường Y, TP. U; T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Huy Hùng